

NGHIÊN CỨU VĂN BIA CHÙA ĐÀ NẴNG

RESEARCH ON EPIGRAPHS AT PAGODAS IN DANANG

Nguyễn Hoàng Thân

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Email: Hoangthan@yahoo.com

TÓM TẮT

Đà Nẵng là vùng đất đã tiếp nhận Phật giáo người Việt ngay từ nửa cuối thế kỉ XV và phát triển liên tục đến ngày nay. Đà Nẵng hiện tồn tại một số ngôi chùa cổ mà trong đó còn lưu giữ nhiều văn bia có giá trị về mặt sử liệu. Bài viết này nghiên cứu về văn bia chùa Đà Nẵng từ 2 lĩnh vực: vấn đề văn bản học văn bia chùa Đà Nẵng và giá trị tư liệu của văn bia chùa Đà Nẵng.

Từ khóa: văn bia; Phật giáo; chùa Đà Nẵng; văn bia chùa; Hán Nôm.

ABSTRACT

Danang is the place where Buddhism of Viet ethnic group was introduced in the second half of the 15th century and has been developing until nowadays. In Danang, there currently exists some ancient pagodas in which many historically invaluable epigraphs still remain. This article discusses the epigraphs at pagodas in Danang in two aspects: documentary research and documentary values of the epigraphs at pagodas in Danang

Key words: epigraph; Buddhism; pagodas in Danang; pagoda epigraph; Chinese – Vietnamese language.

Phật giáo là một tôn giáo lớn trên thế giới và đã truyền sang nước ta từ những thế kỷ đầu công nguyên. Trên mảnh đất Quảng Nam - Đà Nẵng từ trước thế kỉ X, Phật giáo đã có sự phát triển. Theo cứ liệu lịch sử, Phật viện Đồng Dương được thành lập từ năm 875. Lê Đại Hành trong quá trình mang quân đánh vào kinh đô Indrapura năm 982 đã bắt cả thiền sư Thiên Trúc. Song đây là Phật giáo của người Chăm, hình thành và phát triển trước khi có sự xuất hiện của người Việt trên vùng đất này. Phật giáo của người Việt ở đây phải đến cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI mới có sự xác lập, do một phần của sự kiện biến cố chính trị của triều Lê mà nhiều thiền sư phái Trúc Lâm đã trốn vào Nam tu tập. Mặc dù Phật giáo ở Đà Nẵng hình thành muộn so với lịch sử Phật giáo của dân tộc, nhưng Phật giáo ở Đà Nẵng cũng đã phát triển, được giai cấp cầm quyền quan tâm, tạo nên dấu ấn riêng và phát huy tinh thần hoằng dương Phật pháp, thỏa mãn nhu cầu tâm linh tín ngưỡng của Phật tử - tín đồ.

Trong công trình *Lịch sử Phật giáo thành phố Đà Nẵng*, tác giả Nguyễn Lam Chân Tuệ Định đã nêu ra 22 chùa cổ ở Đà Nẵng: chùa Thái Bình, chùa Tam Thai, chùa Từ Tâm, chùa Hải Hội, chùa

An Phước, chùa Long Thủ, chùa Phúc Hải, chùa Từ Vân, chùa An Sơn, chùa Nam Thọ, chùa Mỹ Khê, chùa Ba Sơn, chùa Kim Sơn, chùa Phước Lộc, chùa Long Sơn (Đà Sơn), chùa Long Sơn (Xuân Thiều), chùa Phổ Đà, chùa Vu Lan, chùa Phước Thiện, chùa Sơn Hòa, chùa Bửu Nghiêm, chùa Tường Quang. Đồng thời công trình này cũng giới thiệu nhiều chùa được xây dựng từ sau 1945, nhưng bài viết này không bàn đến, bởi những chùa xuất hiện muộn sau này thường không có hoặc hiếm có bia chữ Hán - Nôm về chùa. Ngoài ra, trong các thư tịch Hán Nôm cổ như *Quảng Nam tỉnh chí lược*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Đại Nam dư địa chí ước biên*, *Đồng Khánh địa dư chí lược* [6] còn ghi chép về một số ngôi chùa ở Đà Nẵng: chùa Tiên Chân (ở động Hữu Linh, núi Ngũ Hành Sơn thuộc huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam [6, tr.548]), chùa Trang Nghiêm (ở trong động Huyền Không núi Ngũ Hành Sơn (...)) Chùa dựng năm Minh Mệnh thứ 6 (1825). Trước tên là chùa Hoa Nghiêm, từ đầu niên hiệu Thiệu Trị (1841) vì kiêng húy mẹ Thiệu Trị, đổi gọi là chùa Trang Nghiêm [6, tr.563]), chùa Ứng Chân (ở phía đông núi Thủy Sơn dãy Ngũ Hành Sơn (...)) Phía đông

chùa có nhà bia Vọng Hải đài dựng năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) [6, tr.606]). Tập *Ngũ Hành Sơn lục* (Trung tâm Văn hóa - Hán Nôm Dị Cổ tàng bản) có nhắc đến 2 ngôi chùa từ sau thời Hồng Đức là chùa Thái Bình và chùa Vân Long. Tấm bia *Phổ Đà sơn linh trung Phật* còn nhắc đến cổ tự Bình An.

Thông thường, các chùa sau khi khai sơn, lạc thành đều dựng bia đá để ghi lại quá trình kiến tạo, trùng tu hoặc tạc khắc những bài kệ, giáo lí, triết lí Phật giáo với mục đích nhằm hoằng dương Phật pháp. Không chỉ có vậy, các bia đá ở chùa còn làm nên diện mạo kiến trúc chính thể của di tích tín ngưỡng. Cho nên văn bia chùa Đà Nẵng không chỉ có giá trị về mặt cảnh quan kiến trúc mà còn có giá trị về mặt tư liệu ở nhiều lĩnh vực khác nhau có mối quan hệ mật thiết với Phật giáo.

1. Vấn đề văn bản học văn bia chùa Đà Nẵng

1.1. Văn bia chùa Đà Nẵng trong diễn trình học thuật

Hiện giờ rất khó xác định thư tịch nào đã đề cập đến văn bản văn bia chùa Đà Nẵng trước nhất. Một số tác phẩm theo thể loại du - kí từ thời chúa Nguyễn có nhắc đến những ngôi chùa trên địa bàn Đà Nẵng vào lúc đương thời, nhưng lại không thấy nhắc đến nội dung văn bản văn bia chùa Đà Nẵng. Theo kết quả nghiên cứu thiên lậu của chúng tôi, thư tịch đề cập văn bia chùa Đà Nẵng sớm nhất là *Ngũ Hành Sơn lục* do các đại quan triều Nguyễn biên soạn, duyệt chính, phụng nhuận vào năm Khải Định thứ nhất - 1916. Đến năm 1920, Henri Cosserrat (Représentant de Commerce) công bố kết quả nghiên cứu văn bia chùa Long Thủ qua bài viết *La pagode Long-Thu, a Tourane* (Chùa Long Thủ ở Đà Nẵng) đăng trên trang 341, số 3, Bulletin des Amis du Vieux Huế - BAVH (Bản điện tử CD-ROM do Philippe Papin giới thiệu. Về tấm bia này có thể xem thêm Nguyễn Lam Chân Tuệ Định (2008), *Lược sử Phật giáo thành phố Đà Nẵng*, Nxb Tôn giáo, H., tr. 48-52 hoặc Võ Văn Thắng (2013), “Tấm bia Thủ Long Tự - một gạch nối văn hóa” // *Báo Đà Nẵng cuối tuần*, cập nhật ngày 05/04/2013, <http://baodanang.vn/channel/5433/201304/Tam-bia-Thu-Long-Tu-mot-gach-noi-van->

[hoa-2231999/](http://baodanang.vn/channel/5433/201304/Tam-bia-Thu-Long-Tu-mot-gach-noi-van-hoa-2231999/)).

Năm 1944, Viện Viễn Đông bác cổ Pháp tại Hà Nội (EFEO) đã tiến hành điều tra và in rập bia Quảng Nam, trong đó có văn bia chùa Đà Nẵng. Đầu thập niên 90 của thế kỉ XX và năm 2010, Viện Nghiên cứu Hán Nôm tổ chức đi sưu tầm, in dập lại văn bia trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng. Trong năm 2010, tác giả bài viết này cũng tham gia cùng với đoàn cán bộ của Viện Nghiên cứu Hán Nôm để in rập văn bia Đà Nẵng và viết bài “Bia đá cũng tàn” đăng trên báo *Đà Nẵng cuối tuần* (số 4000, 23/8/2010). Viện Nghiên cứu Hán Nôm thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam đã lập phiếu thư mục văn bia thành quyển *Thư mục văn bia* vào năm 1977. Trong quyển 30, kí hiệu Vv.986 có các phiếu thư mục chùa Đà Nẵng như sau: *Hưng sùng Phật pháp* N⁰ 20937, *Linh Sơn tự bi* N⁰ 20938, *Lập thạch bi Thủ Long tự* N⁰ 12709 (có 3 bản dập, kí hiệu 12709, 19257, 14248), *Liên hộ chúng công chi mộ* N⁰ 14249, *Khai sơn giác linh bảo tháp* N⁰ 19267, *Tân tạo Vu Lan tự bi* N⁰ 19269, *Vu Lan tự bi* N⁰ 19266, *Vu Lan tự sáng tạo tam quan bi* N⁰ 19268, *Tập thiên hội bi* N⁰ 19258, 19259, *Trùng tu thánh tự bi* N⁰ 19275, *Hòa thượng phúc trí bi* N⁰ 19271, *Hoa Nghiêm đồng bi* N⁰ 12620, *Phổ Đà Sơn linh trung Phật bi* N⁰ 12623, *Ngũ uẩn dương cổ tích Phật tịch diệt lạc bi* N⁰ 12622, *Phổ Đà sơn linh trung Phật* N⁰ 20927 (có 2 bản dập, kí hiệu N⁰ 12623, N⁰ 20927), *Lập thạch thủ Long tự* N⁰ 19257, *Thủ Long tự thạch bi* N⁰ 14248. Số văn bia chùa Đà Nẵng qua bộ sưu tập của EFEO là 14 tác phẩm văn bia.

Đến năm 1992, công trình *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam* đã “tuyển chọn - lược thuật” 4 văn bia chùa Đà Nẵng. Đó là: *Tân tạo Vu Lan tự bi* N⁰ 19269, *Linh Sơn tự bi* N⁰ 20938, 19273, *Phổ Đà Sơn linh trung Phật* N⁰ 12623, *Trùng tu thánh tự bi* N⁰ 19275 [2].

Công trình *Lược sử Phật giáo thành phố Đà Nẵng* xuất bản năm 2008 [1], có nhắc đến 9 tác phẩm văn bia chùa Đà Nẵng hiện còn trên thực địa: *Thái Bình tự thạch bi* (tr.26), *Lập thạch bi Thủ Long tự* - bia chùa Long Thủ (tr.51), bia chùa Phúc Hải (tr.53), bia chùa An Sơn (tr.54), bia chùa Nam Thọ (tr.56), bia tháp chùa Ba Sơn (tr.61), bia kệ chùa Linh Ứng (tr.87), 2 bia chùa An Hải (tr.244),

bia chùa Mỹ Khê được nhắc đến trong bia đình Mỹ Khê (tr.58).

Văn bia chùa Đà Nẵng đề cập trong các công trình nghiên cứu với tư cách là tư liệu phục vụ nghiên cứu, cho nên nó được dẫn dụng trong nhiều công trình, có lẽ tác giả bài viết không cần chỉ xuất ở đây. Song văn bia chùa Đà Nẵng với tư cách là đối tượng “nghiên cứu” đích thị, độc lập lại chỉ hạn vị trong một vài bài báo thông tấn hay bài báo khoa học. Có thể kể đến bài *Chùa Long Thủ ở Đà Nẵng* của Henri Cosserat, *Tám bia Thủ Long Tự - một gạch nói văn hóa* của Võ Văn Thắng nói ở trên; *Về tám văn bia Ngũ Uẩn sơn cổ tích Phật diệt tịch lạc* (đăng tại địa chỉ <http://vanhoa.phatgiaoblog.com/gioi-thieu/ve-tam-van-bia-ngu-uan-son-co-tich-phat-tich-diet-lac.html>), *Tìm hiểu văn bia Thái Bình tự thạch bi* (đăng tại <http://vanhoa.phatgiaoblog.com/nghien-cuu/thai-binh-tu-thach-bi.html>) của Đồng Dương; *Phổ Đà sơn linh trung Phật - một văn bia quý của Đà Nẵng* [3], *Đặc điểm ngôn ngữ văn bản văn bia Ngũ Uẩn sơn cổ tích Phật diệt tịch lạc* [5] của tác giả bài viết này...

1.2. Đặc điểm văn bản văn bia chùa Đà Nẵng

Tác giả bài viết cũng đã tiến hành điền dã, truy sưu những văn bia chùa trên địa bàn Đà Nẵng; xem xét, đối chiếu, kiểm tra những văn bia được in rập trước đây hiện còn hay đã mất; đồng thời bổ sung một số văn bia hiện có trên thực địa mà các tài liệu trước đây chưa nhắc đến, như: *An Hải tự miếu bi* (*) gồm 4 tấm bia, *Khai sơn viện chủ Chân Đình đàn vị* (*), *Lâm Tế tứ thập thể Như Thị chi tháp* (*), *Mân Quang tự công đức bi* (*) gồm 2 tấm bia, *Sắc tứ Lâm Tế tam thập cửu thể Ấn Thanh tháp* (*), *Sắc tứ Lâm Tế tứ thập thể Như Niệm bảo tháp* (*), ... Trong đó những tiêu đề in nghiêng là văn bia do chúng tôi điền dã, phát hiện và chưa có trong các công trình nghiên cứu trước đây. Tiêu đề có dấu (*) là do chúng tôi đặt tên.

Qua nghiên cứu các văn bia thạc bản và văn bia thực địa ở Đà Nẵng, chúng tôi nhận thấy văn bia chùa Đà Nẵng có những đặc điểm như sau:

Phân bố rải rác trên khắp địa bàn thành phố và chủ yếu đặt tại các ngôi chùa cổ ở đây. Văn bia

chùa Đà Nẵng có niên đại sớm nhất là văn bia Phổ Đà Sơn linh trung Phật được tạo dựng vào năm Canh Thìn 1640.

Phần lớn văn bia có diện tích vừa và nhỏ, thường là văn bia ốp tường hoặc là văn bia ma nhai và chỉ một mặt: *Mân Quang tự công đức bi*, *Phổ Đà sơn linh trung Phật*, *Ngũ Uẩn sơn cổ tích Phật tịch diệt lạc*. Số lượng chữ trên bia cũng tương đối ít, khoảng trên dưới 300 chữ. Văn bia *Tân tạo Vu Lan tự bi* khổ 57 x 89 cm, khoảng 320 chữ. Văn bia *Linh Sơn tự bi* khổ 27 x 110 cm, khoảng 360 chữ. Văn bia *Trùng tu thánh tự bi* khổ 69 x 81 cm, khoảng 350 chữ.

Những văn bia có niên đại sớm thường dụng công trang trí nghệ thuật, còn những văn bia có niên đại muộn về sau thường ít chú ý về mặt nghệ thuật chạm trổ. Văn bia *Phổ Đà sơn linh trung Phật* trang trí trán bia theo họa tiết mặt nguyệt và tua lửa, diềm bia trang trí hình dây leo hoa cúc giạt lùi (thuộc mô-típ hoa văn bia thời Lê). Đặc biệt, trán bia *Ngũ Uẩn sơn cổ tích Phật tịch diệt lạc* được “thiết kế” chạm khắc thành mái chùa với ngói lợp theo dạng thức ngói chùa đồng bằng Bắc bộ (phải chăng Phật giáo của người Việt ở Đà Nẵng buổi đầu vẫn còn mang “dấu tích” của Phật giáo phía Bắc như đã nói ở phần nhập đề?). Trang trí của văn bia *Lập thạch bi Long Thủ tự* thì “mặt bia đóng khung bằng những đường viền mô típ hoa lá, đầu bia chạy viền hình lửa ngọn, giữa khắc một quả cầu bốc lửa là tiêu họa thường thấy ở văn khắc xưa” [1, tr.50].

Văn bia công đức chiếm số lượng lớn, chỉ có vài tấm bia thiên về trình bày lịch sử bản tự hay tình hình Phật giáo sở tại như Thái Bình tự thạch bi, *Lập thạch bi Thủ Long tự*. Bên cạnh đó cũng còn có nhiều bia mộ tháp của các vị tổ sư trụ trì như *Khai sơn viện chủ Chân Đình bi*, *Sắc tứ Lâm Tế tam thập cửu thể Ấn Thanh tháp*, *Sắc tứ Lâm Tế tứ thập thể Như Niệm bảo tháp*.

2. Giá trị tư liệu của văn bia chùa Đà Nẵng

2.1. Tư liệu lịch sử Phật giáo ở Đà Nẵng

Niên đại văn bia chùa Đà Nẵng sớm nhất là

năm 1640. Đây là cứ liệu quan trọng để xác định lịch sử Phật giáo ở Đà Nẵng. Văn bia Phổ Đà sơn linh trung Phật cũng đã khẳng định từ trước năm 1640, Đà Nẵng từng hiện hữu ngôi chùa Bình An. Cố nhiên, những tài liệu nghiên cứu khác cho rằng các vị Sa môn Minh Phước Quảng đã tu khổ hạnh ở động Hoa Nghiêm, Sa môn Từ Tâm lập chùa Thái Bình từ nửa sau thế kỷ XV [1, tr.23].

Các văn bia cho chúng ta biết lịch sử, quá trình xây dựng, trùng tu những ngôi chùa trên địa bàn thành phố. Điềm dễ nhận thấy đầu tiên chính là sự linh ứng, tế đô của Đức Phật, văn bia *Lập thạch bi Long Thủ tự* ghi: “Xưa nơi đây Đức Phật từng cảm ứng gia hộ cho những người bất hạnh. Do vậy các tín chủ thường cầu nguyện tại chốn này. Gia dĩ, xứ ở từng ứng hiện nhiều quyền lực siêu nhiên, và có lúc đã thị hiện khuôn mặt đầu Rồng (Long Thủ)” [1, tr.51]. Phải chăng đây là ý tưởng để thiết kế cầu Rồng đặt gần chùa An Long (Viện Cổ Chàm) của Đà Nẵng? Chính vì vậy mà văn bia này đã tiếp tục thuật lại: “Ông Trần Hữu Lễ, Cai hợp ty Tướng Thần Lại, dân sở tại, phát tâm tín ngưỡng và hoài vọng muôn ơn, dâng cúng một thửa vườn do ông bà để lại, cất lên tịnh xá cho các thầy chùa trú ngụ. Hết thầy dân làng đều đồng ý dựng lên một ngôi chùa mới. Ông Hội chủ cùng với tín chủ gái trai đức hạnh, nhiệt tình tôn giáo, dâng cúng những gì họ có thể trang hoàng chánh điện và tạo tác các tượng Phật, đồng thời đúc một quả chuông, xây tháp để chuông và cuối cùng dựng một lầu để trống” [1, tr.51]. Hay là: “Chùa Linh Sơn nổi tiếng linh ứng ở Hòa Vang. Nhà sư Phạm Công Triều đứng ra quyên góp tiền của để xây dựng tu bổ lại chùa. Công việc hoàn hảo, công đức thật lớn lao. Nhà sư Tuệ Lâm bèn cho mua đá tạc bia ghi lại. Phần cuối có ghi rõ số ruộng Tam bảo dùng làm của đèn hương thờ Phật” (*Linh Sơn tự bi*) [2, tr.557]. Văn bia *Tân tạo Vu Lan tự bi* chép: “Năm Thành Thái 15 (1903), xã dựng chùa mới, đặt tên là chùa Vu Lan. Chùa linh thiêng, được vua ban cấp tiền mua vườn đất. Năm Duy Tân 3 (1909), Thái tử Thiếu bảo họ Hồ sai vợ là Vũ phu nhân cúng 4 chiếc tràng phan và tiền 25

đồng. Thập phương cúng tiền 100 đồng, thôn Bình Thuận cúng 10 đồng. Số tiền trên dùng để tô tượng và đúc chuông chùa. Nay chùa đã khang trang, dân xã bèn dựng bia lưu truyền công đức Hoàng gia và tín thí thập phương” [2, tr.557].

Không chỉ là tư liệu về lịch sử các ngôi cổ tự, văn bia chùa Đà Nẵng còn lược thuật hành trạng các vị tổ sư khai sơn, trụ trì. Văn bia *Thái Bình tự thạch bi* gần như dành trọn vẹn câu chữ để chép về sư Chân Dĩnh: “Xưa kia vị đại Đạo sư của ta từ tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc) đặt chân đến đây để truyền bá đạo Phật trong xứ An Nam. Trong 24 năm, ngài làm việc không ngừng nghỉ quy tụ hơn 3000 tín đồ để nghe lời nói của ngài với tất cả lòng ngưỡng mộ. Ngài xây cất những đền đài, chùa chiền. Về già, ngài tự chìm đắm trong sự ngưỡng vọng về cõi vô chung, không bờ bến giữa những vẻ đẹp mà nước và non bài trí xung quanh ngài. Ngài có tên danh là “Nam đại Hòa thượng” và cuộc sống tu hành của ngài có thể sánh với những cao tăng của xứ Ấn Độ” [1, tr.26].

Phật giáo Đà Nẵng cũng tương đối phát triển và có tầm ảnh hưởng. Điều đó thể hiện ở nội dung văn bia là vị sư Chân Dĩnh được đánh giá ngang với cao tăng của Ấn Độ. Và, trong bài viết *Phổ Đà sơn linh trung Phật - một văn bia quý của đất Quảng* từng công bố trước đây, chúng tôi đã chứng minh và đưa đến luận điểm là, từ thế kỷ XVII, Ngũ Hành Sơn (Phổ Đà sơn) trở thành một trung tâm thờ Quan Âm mang tính quốc tế hoặc có vị trí quốc tế. Minh chứng cho việc đó là người Nhật đã góp cúng một khối lượng đồng rất lớn (570 cân) và số tiền trên 2/3 tổng số tiền góp cúng của tín chủ, ngoài ra người Hoa cũng tham gia góp cúng xây dựng Phổ Đà sơn để “dấu vết của Phật lưu truyền mãi mãi”.

2.1.1. Sử liệu về làng xã đương thời

Văn bia chùa Đà Nẵng nói về chùa, nói về Phật giáo ở Đà Nẵng là chuyện tất nhiên. Nhưng bên cạnh đó, từ trong những tấm bia đá trong các ngôi chùa ở Đà Nẵng, chúng ta còn có thể nhận ra rất nhiều tư liệu lịch sử về những vấn đề xoay quanh làng xã đương thời. Trước hết, đó là những địa

đanh làng xã ở Đà Nẵng - một trong những tư liệu rất quý về việc di cư, khai khẩn, hình thành làng xã ở xứ Quảng nói chung và Đà Nẵng nói riêng. Những địa danh của Đà Nẵng được ghi trong *Phổ Đà sơn linh trung Phật* là: xã Tân An, xã Trà Đông, xã Trà Lộ, xã Giếng Bông, xã Hải Châu; trong *Thái Bình tự thạch bi* là: làng Quán Khái, làng Tân An, làng Hóa Khuê, làng Bà Đa; trong *Lập thạch bi Thủ Long tự* là: Cửa Đình, Giếng Vũng, làng Nại Hiên, làng Hải Châu... Như vậy những địa danh này của Đà Nẵng đã được xác lập muộn nhất cũng từ giữa thế kỷ XVII.

Từ bia chùa Đà Nẵng, chúng ta biết được một số chức danh mà người địa phương nhận trách như Cai thuộc, Cai hợp, Lại ti, Xã trưởng, Trần thủ, Hương chủ; tổ chức hành chính như Ty tướng thần lại (cơ quan phụ trách về thuế má, tài chính dưới thời chúa Nguyễn cho đến giữa thế kỷ XVIII, giúp việc Tướng thần lại có 7 Cai hợp).

Văn bia *Trùng tu thánh tự bi* cho biết về các họ tiền hiền và công cuộc khai khẩn, xây dựng thiết chế, tổ chức của làng: “Xã Lỗ Giản khi mới thành lập gồm có 5 họ là: Dương, Hồ, Lê, Nguyễn, Phạm. Các ông tổ của 5 họ này trước đây đều theo vua lên phương Bắc rồi đến đây lập xã này. Trước đây họ đã dựng đình chùa, đến năm Hồng Đức 7 (1476) thì hợp và lập hương ước, các đời cứ tuân theo đó mà làm” [2, tr.564].

Văn bia *Phổ Đà sơn linh trung Phật* còn cung cấp nhiều sử liệu về người nước ngoài ở đất

Quảng gồm 10 gia đình người Nhật (Heizaburo, Sogoro, Shunmon, Achiko, Chaya Takeshima, Kawakami Kaheie, Asami Yasuke, Shichiro Bei, Akiu, Heiza Emon) và 2 gia đình người Hoa (Diệp Công Kiên, Lã Tông Ngộ). Đồng thời có thêm thông tin về việc hôn nhân người Việt với người nước ngoài: ông Heizaburo lấy bà Nguyễn Thị Chức, ông Shunmon lấy bà Ngô Thị Chung, ông Shichiro Bei lấy bà Nguyễn Thị Nụ, ông Heiza Emon lấy bà Nguyễn Thị Nờ. Về nội dung này, chúng tôi đã trình bày tương đối sâu kỹ trong bài viết *Phổ Đà sơn linh trung Phật - một văn bia quý của đất Quảng*.

3. Kết luận

Văn bia chùa Đà Nẵng là một trong những trang sử đá của Phật giáo Đà Nẵng và rộng hơn là Phật giáo Việt Nam. Nghiên cứu văn bia chùa Đà Nẵng là góp thêm tư liệu để nghiên cứu Phật giáo Đà Nẵng và những vấn đề văn hóa tín ngưỡng, văn hóa làng xã đương thời. Nhưng hiện nay, nếu so với bộ sưu tập của EFEO như đã nói trên, thì văn bia chùa Đà Nẵng vừa mất đi một số văn bia lại có thêm một số văn bia mới. Do vậy chúng ta cần tiếp tục triển khai các chương trình phục sao, sưu tập, bảo tồn, nghiên cứu và khai thác các giá trị của văn bia chùa Đà Nẵng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Lam Chân Tuệ Định (2008), *Lược sử Phật giáo thành phố Đà Nẵng*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [2] Nguyễn Quang Hồng chủ biên (1992), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam: Tuyển chọn - lược thuật*, NXB KHXH.
- [3] Nguyễn Hoàng Thân (2010), “*Phổ Đà sơn linh trung Phật - một văn bia quý của đất Quảng*”. Tạp chí *Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*, số 7+8, Đà Nẵng.
- [4] Nguyễn Hoàng Thân chủ biên (2013), *Văn hóa Đà Nẵng từ những mảnh ghép*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [5] Nguyễn Hoàng Thân (2013), “Đặc điểm ngôn ngữ văn bản văn bia Ngũ Uẩn sơn cổ tích Phật diệt tịch lạc”, *Đường biên 2*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [6] Ngô Đức Thọ chủ biên (2007), *Từ điển di tích văn hóa Việt Nam*, NXB Từ điển bách khoa.